FireAnt

CTCP Kinh doanh Khí Miền Nam (HNX: PGS)

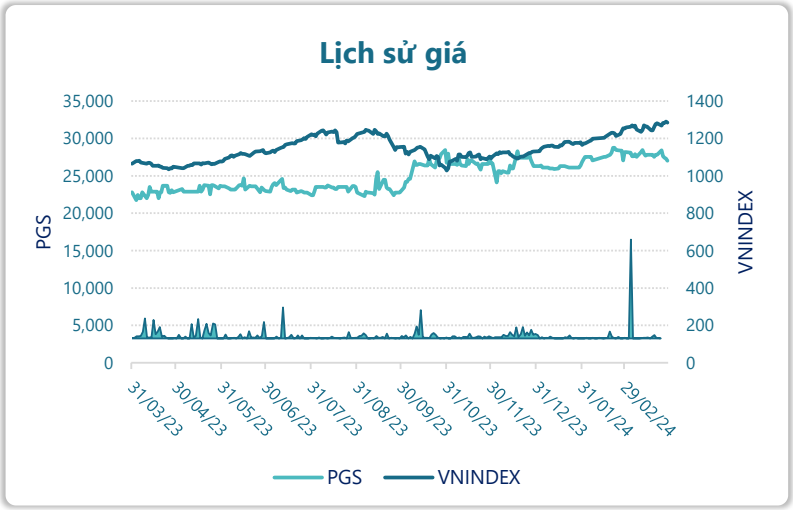

Thông tin giao dịch	31/03/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**27,000**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	28,749
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	21,743
SL cổ phiếu LH	49,998,794
KLGD BQ 20 phiên (CP)	13,850
% sở hữu nước ngoài	1.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,350
P/E	13.3
EPS	2,032

DT thuần

Q1/24

1,475

tỷ VNĐ

QoQ: ▼36.0| -2.4%

YoY: ▲ 12.0| 0.8%

LN sau thuế

Q1/24

28.5

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 9.40| 49.2%

YoY: ▼4.60| -13.9%

Tỷ suất lãi EBIT

2023

2.8%

+/- YoY: ▲ 0.8%

DT thuần

2023

5,677

tỷ VNĐ

YoY: ▼1,144| -16.8%

LN sau thuế

2023

106

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 7.10| 7.4%

ROE

2023

10.5%

+/- YoY: ▲ 0.7%

Kết quả kinh doanh

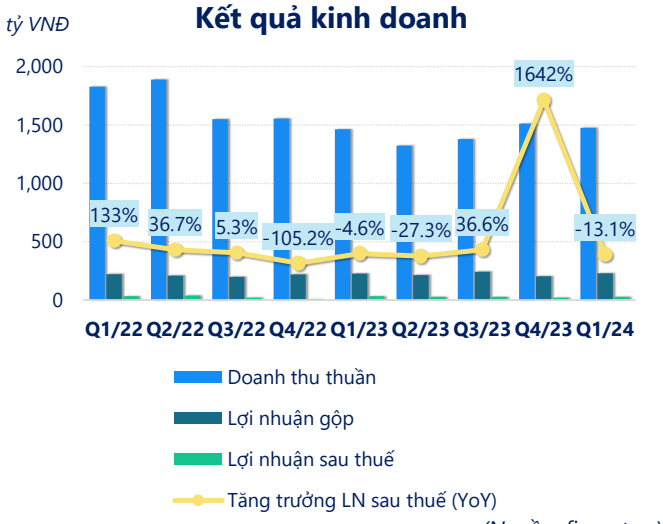

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

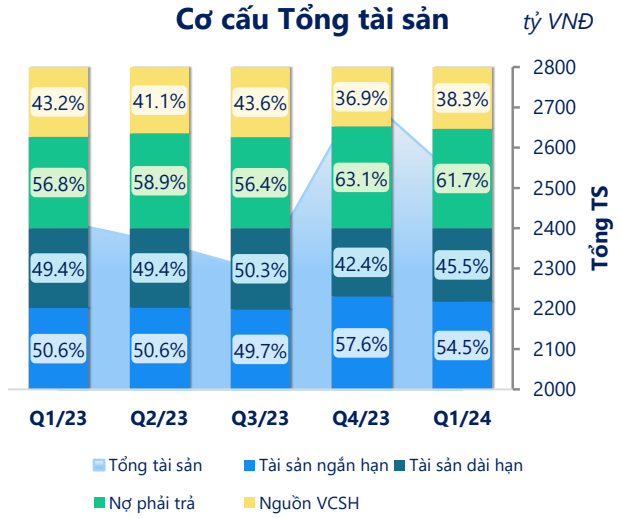

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

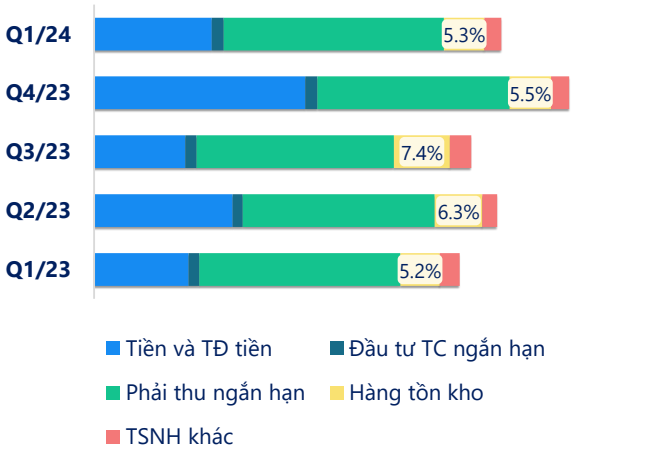

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

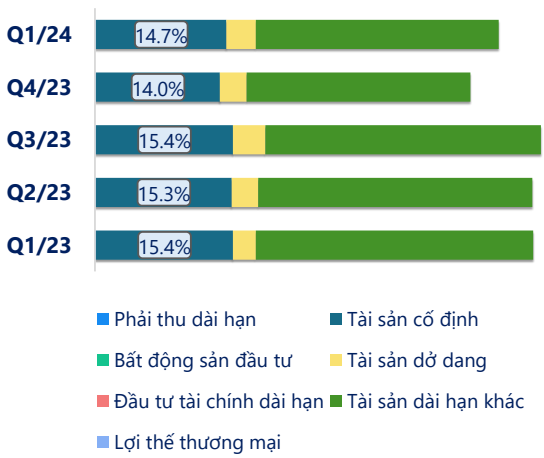

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

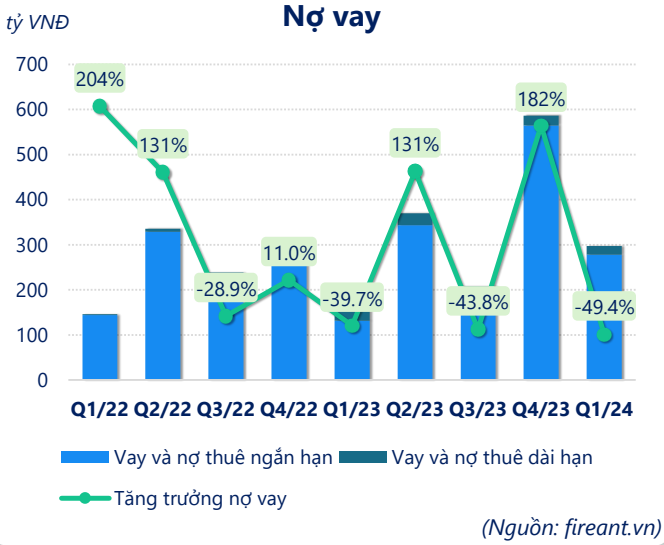

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

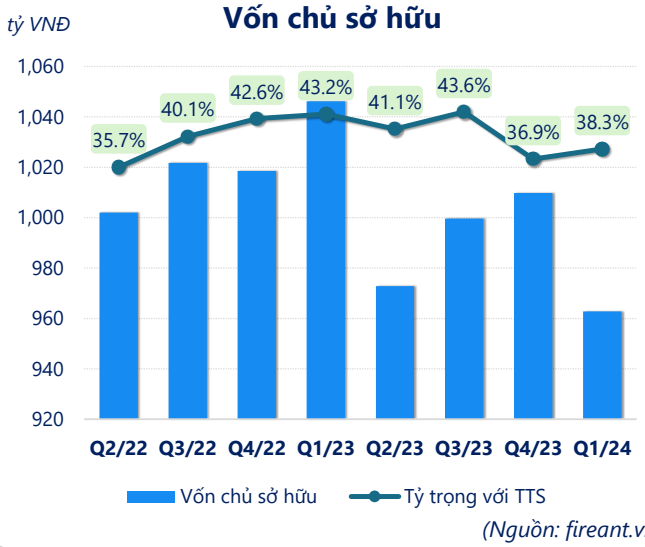

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

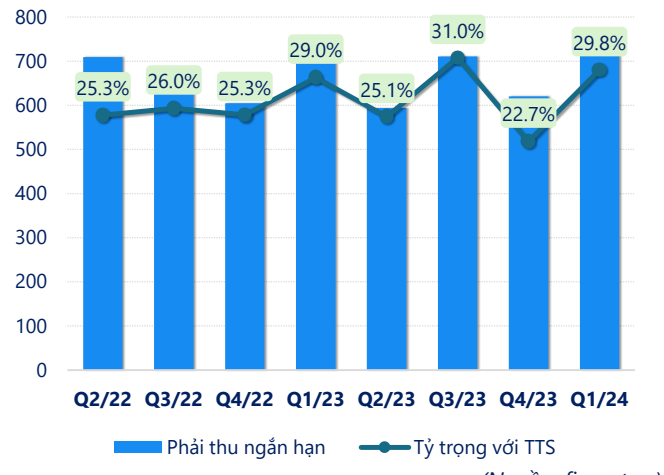

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

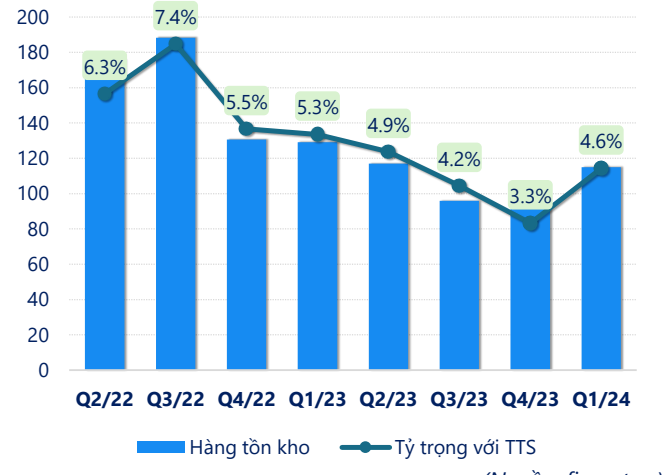

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

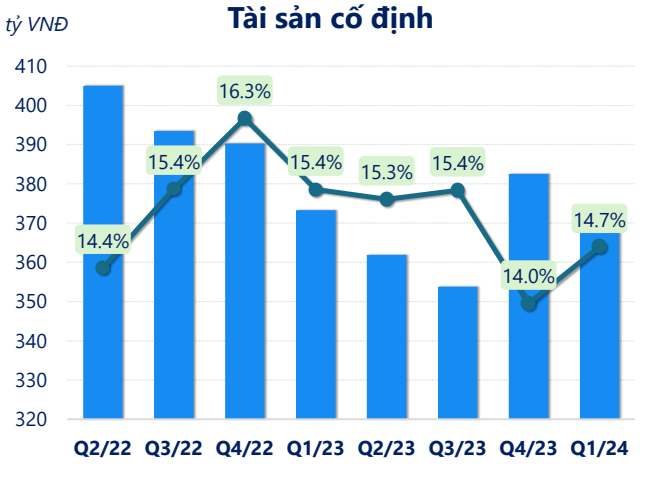

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

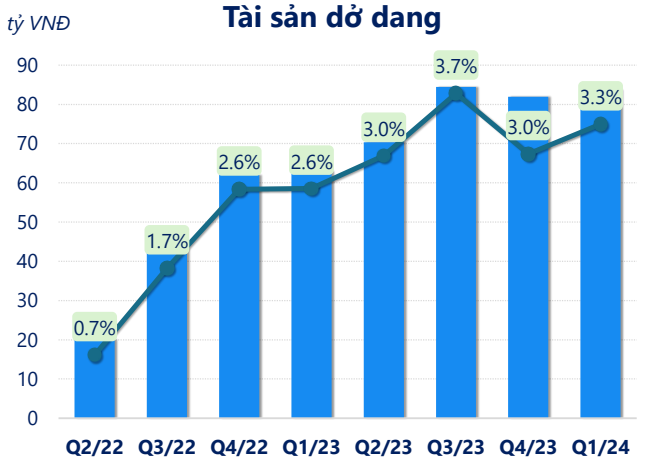

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

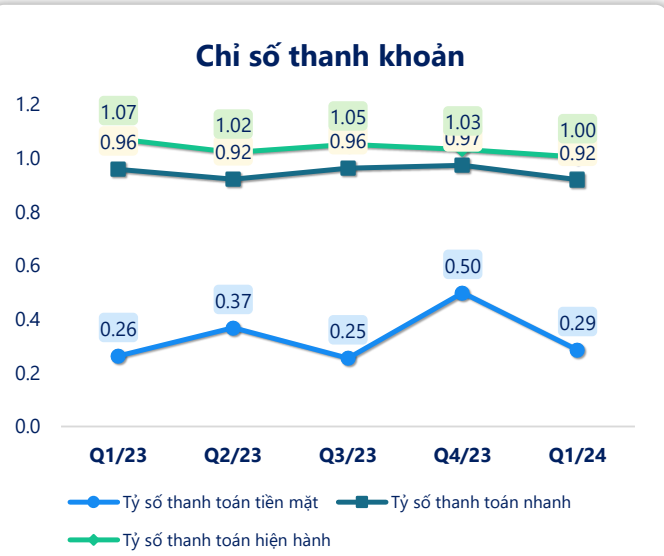

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

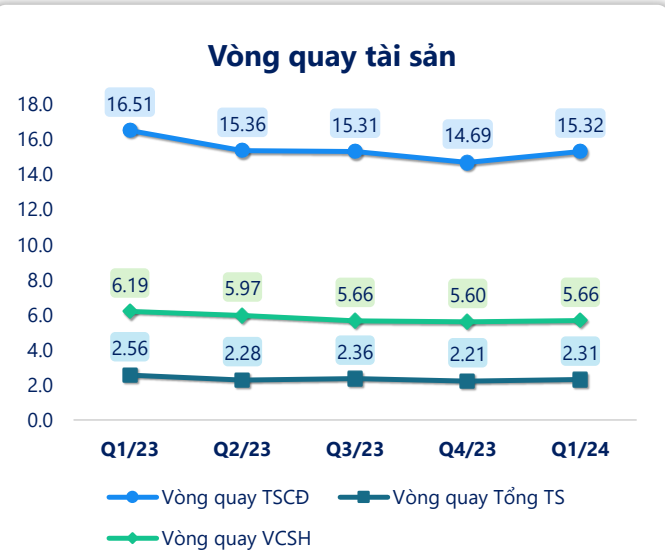

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Tổng tài sản	**2,419**	**2,365**	**2,294**	**2,737**	**2,514**
Tài sản ngắn hạn	**1,223**	**1,198**	**1,140**	**1,578**	**1,369**
Tiền và tương đương tiền	300	431	276	761	389
Đầu tư tài chính ngắn hạn	38.0	8.47	7.96	58.5	58.5
Phải thu ngắn hạn	702	594	710	620	748
Hàng tồn kho	129	117	95.9	91.1	115
Tài sản ngắn hạn khác	53.7	46.9	49.5	46.6	58.6
Tài sản dài hạn	**1,196**	**1,167**	**1,155**	**1,159**	**1,145**
Phải thu dài hạn	3.29	2.97	3.16	3.53	3.38
Tài sản cố định	373	362	354	383	369
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	63.0	70.4	84.4	82.0	83.7
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	757	732	713	691	688
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**1,373**	**1,392**	**1,295**	**1,727**	**1,551**
Nợ ngắn hạn	**1,142**	**1,173**	**1,084**	**1,528**	**1,364**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	132	343	184	565	278
Phải trả người bán ngắn hạn	784	493	628	698	735
Nợ dài hạn	231	219	211	200	187
Vay và nợ thuê dài hạn	28.1	26.6	24.2	21.8	19.4
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,046**	**973**	**1,000**	**1,010**	**963**
Vốn chủ sở hữu	**1,046**	**973**	**1,000**	**1,010**	**963**
Vốn điều lệ	500	500	500	500	500
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)